BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 2912 /ĐHĐN-HTQT
V/v giải quyết thủ tục xin gia hạn visa và gia hạn tạm trú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh, Công an thành phố Đà Nẵng

Sáng nay ngày 21 tháng 8 năm 2018, Ban Hợp tác quốc tế - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) nhận thông tin từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (QLXNC) tại thành phố Đà Nẵng về việc sẽ không nhận giải quyết các thủ tục đề nghị gia hạn visa và tạm trú cho người nước ngoài bắt đầu từ ngày 21/8/2018. Các thủ tục này sẽ chuyển về Cục QLXNC tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận xử lý.

ĐHĐN kính xin có một số ý kiến như sau:

ĐHĐN là đại học vùng trọng điểm quốc gia. Mức độ quốc tế hóa của ĐHĐN đang dần được đẩy mạnh. Hàng năm, ĐHĐN tiếp nhận nhiều giảng viên, chuyên gia người nước ngoài đến từ các trường đại học và các tổ chức quốc tế đến nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành và tư vấn cho ĐHĐN. Năm 2017, ĐHĐN đã tiếp nhận gần 1.000 sinh viên nước ngoài quốc tịch: Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Pháp… đến học tập, giao lưu trao đổi tại ĐHĐN. Trong đó, số lượng lưu học sinh (LHS) Lào hiện đang học tại ĐHĐN là khoảng hơn 500 LHS. Đa số các LHS này theo học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên (CSGDĐHTV) – ĐHĐN trong khuôn khổ thỏa thuận hỗ trợ học bổng của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Nam Lào. Việc tiếp nhận các LHS Lào học tại ĐHĐN có ý nghĩa chính trị quan trọng trên tinh thần tình hữu nghị Việt - Lào và là cơ hội để ĐHĐN quảng bá hình ảnh, đóng góp vào sự phát triển của thành phố.

Thời điểm cuối tháng 8 đến tháng 11 hàng năm là thời điểm nhập học năm học mới của các LHS Lào tại ĐHĐN. LHS sẽ tập trung nộp hồ sơ về ĐHĐN để xin gia hạn visa và gia hạn tạm trú. Vì vậy, với thông tin từ Cục QLXNC tại thành phố Đà Nẵng không nhận giải quyết các thủ tục xin gia hạn visa và tạm trú trong giai đoạn này sẽ gây rất nhiều khó khăn cho ĐHĐN trong việc xử lý kịp thời các hộ chiếu sắp đến hạn cuối tạm trú theo dạng miễn thị thực. (ĐHĐN có tiếp nhận 89 hộ chiếu theo dạng miễn thị thực có hạn tạm trú là

từ ngày 01/9/2018. Thông tin chi tiết của các lưu học sinh được gửi kèm theo công văn này).

Với tình hình khó khăn này, ĐHĐN kính xin Phòng QLXNC tại thành phố Đà Nẵng giúp đỡ xử lý thủ tục xin gia hạn visa và tạm trú đặc biệt cho số LHS Lào nói trên.

Kính đề nghị Phòng QLXNC Đà Nẵng xem xét.

Chân thành cám ơn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HTQT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN BAN HỢP TÁC QUỐC TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TS. Hoàng Hải

DANH SÁCH LƯU HỌC SINH LÀO TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
NHẬP CẢNH THEO DẠNG MIỄN THỊ THỰC
XIN GIA HẠN TẠM TRÚ VÀ THỊ THỰC
(Đính kèm công văn số 2912/ĐHĐN-HTQT vào ngày 27 tháng 8 năm 2018)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ HỘ CHIẾU	KHÓA	TRƯỜNG
1.	SAIYASENG KHAMSAVANH	16.01.1998	PA 0227145	2016	ĐHKT
2.	PHOMMACHANH CHEUNEMIKY	01.07.1996	P 1604510	2016	ĐHKT
3.	VONGMANIVANH LITHDA	07.05.1996	PA 0063295	2015	ĐHKT
4.	KHAMYOTHA POUPASEUTH	04.01.1996	P 1451450	2015	ĐHBK
5.	PHOUPASERTH PHOMMACHAN	14.04.1990	PA 0254061	K36 - CH	ĐHBK
6.	SITTHIPHONE PHOUMISAY	23.11.1995	P 1247067	2014	ĐHBK
7.	BOUNLEUTH SITTHISONE	30.10.1998	PA 0257926	2016	ĐHKT
8.	PHASAVATH PHETPHOUTHONE	30.09.1995	P 1588849	2016	ĐHKT
9.	DIYAVONG KHAMCHE	01.06.1997	P 2064677	2015	ĐHKT
10.	VILAY DOUANGCHAMPA	12.12.1986	PA 0178716	2018	ĐHNN
11.	HER LALY	27.12.1996	P 1329387	2016	ĐHNN
12.	XAYYAVONG SOUKSAVANH	31.10.1996	P 1606211	2016	ĐHKT
13.	CHANTHALANGSY KITTIMASAK	28.08.1999	P 0485769	2017	ĐHSP
14.	SOPHETMANY SENGTAVAN	06.11.1999	P 1721944	2017	ĐHKT
15.	VONGPHETTHONG PHARTHONG	18.01.1988	P 1255654	2015	ĐHSP
16.	BOUASY VATSANA	07.02.1995	P 1425956	2015	ĐHKT
17.	NOYMANIVONE CHENNY	15.10.1996	P 1389517	2015	ĐHKT
18.	XAYAVONG NALONGSACK	14.12.1995	P 1583106	2015	ĐHKT
19.	SENGTAVANH PHONEPASITH	26.02.1996	P 0713704	2015	ĐHKT
20.	THEPPANYA XAYBANDITH	12.11.1997	PA 0255545	2016	ĐHKT
21.	PHAKAISING XAYASITH	17.09.1993	P 1267541	2014	ĐHKT
22.	XAYAHOME OYCHAY	20.01.1996	P 1441067	2015	ĐHKT
23.	THEPPANYA LATSAMY	29.01.1996	P 1437643	2015	ĐHKT
24.	CHEMSACKDA SENGSY	01.12.1994	P 1396278	2015	ĐHSP
25.	SISOMPHONE HANESANA	05.12.1995	P 1241713	2016	ĐHSP
26.	PHOMMACHACK KHITSAMONE	07.03.1996	PA 0249780	2015	ĐHKT
27.	HUANGTHILATH HUANGSAVAN	17.07.1996	PA 0260725	2015	ĐHKT
28.	SETAPHON SEKSAN	28.12.1996	PA 0261866	2015	ĐHKT

29.	XAYSOMPHOU DAOPHASOUK	08.12.1995	P 1425682	2015	ĐHKT
30.	SITSAMAY XAYAPANYA	01.5.1999	PA 0180483	2018	ĐHKT
31.	HATSADA BUALAMPHAN	11.11.1999	PA 0184891	2018	ĐHKT
32.	DOUANGPHACHANH THITHANONG	16.04.1997	P 1410241	2016	ĐHKT
33.	SISODA LATTHASOUK	29.01.1999	P 1806762	2017	ĐHKT
34.	BOUDTALATH THONY	31.07.1998	P 1820604	2017	ĐHSP
35.	DENG PHOMMACHAC	03.05.1997	P 1826402	2017	ĐHSP
36.	XAIXONGKHAM SOULIYUN	07.06.1997	P 1820771	2017	ĐHKT
37.	PILAVONG KHOUNSAVANH	01.03.1989	P 1616986	K34 - CH	ĐHKT
38.	CHANTHAVIXAY PHOUEYAVONG	08.02.1999	P 0174937	2018	ĐHBK
39.	LIENKHAMMANIVONG KHAMLAR	15.05.1993	P 1437568	2015	ĐHKT
40.	XAIYAPHET PERN	04.12.1997	P 1793264	2017	ĐHKT
41.	TONGSYVANG BEE	03.10.199	P 1804585	2017	ĐHNN
42.	HOMBOUTSAVONG THIPPHASONE	06.02.1994	P 1030671	2013	ĐHBK
43.	PHETDAVONG BOUABAY	27.9.2000	PA 0180380	2018	ĐHSP
44.	NONGINTHILATH PHONEPADITH	14.02.1997	P 1584325	2016	ĐHKT
45.	VOLAVONGSY DAOPHASOUK	10.11.1994	PA 0259586	2015	ĐHKT
46.	PHAOUTHENE KAVIPHONE	24.10.1994	P 1451457	2015	ĐHKT
47.	DETKHOUNFONG THEPPADITH	13.11.1993	P 2056467	2013	ĐHKT
48.	BOUKHAMVONGSA VILAXAY	20.08.1995	P 1438057	2015	ĐHKT
49.	KHAMPHOUSONE SENGALOUN	01.01.1998	P 1480476	2017	ĐHKT
50.	KASYSONGDETH PHONETHIP	27.04.1992	P 1229799	2014	ĐHKT
51.	SAYSOULIVAT SUNTIPHAB	18.10.1998	P 1819293	2017	ĐHKT
52.	PHANTHAVONG SAYFA	06.03.1995	P 1416560	2017	ĐHKT
53.	VONGVIENGXAY THONGDAM	09.01.1984	P 1387304	2015	ĐHSP
54.	PHONGSAVANH MANIVONE	12.03.1998	PA 0247435	2016	ĐHKT
55.	FONGSAVANH VILAYPHONE	02.12.1997	P 1817347	2016	ĐHKT
56.	BOUBPHAPHANH LINLEUDY	26.04.1999	PA 0151576	2016	ĐHKT
57.	KHIEOPAPHANH PAVINAT	30.08.1998	P 1598924	2016	ĐHKT
58.	SENGALOON SAYLOM	07.6.1986	PA 0180392	2018	ĐHKT
59.	XAYLANGSY THITPASEUTH	16.11.1996	PA 0143177	2016	ĐHKT
60.	KHAMMAVONGSA SEESAVATH	12.05.1998	P 1602327	2016	ĐHKT

61.	SOUVANNASY PHANOMPHONE	29.07.1997	P 1436056	2015	ĐHSP
62.	SOUKSAKHONE LAMMAYOT	01.02.2000	P 1390881	2018	ĐHBK
63.	MA DUANGKANYA	06.5.2000	PA 0190347	2018	ĐHBK
64.	YOULO XAYAVONG	05.6.2000	P 1597912	2018	ĐHBK
65.	SAYASONH ATHIPHONE	09.08.1998	PA 0244980	2016	ĐHKT
66.	THILAVONG THATSAPHONE	04.09.1994	PA 0168117	2014	ĐHKT
67.	KEOPHIMPHONE SITPASERT	01.08.1997	P 1596347	2016	ĐHKT
68.	KEOPHIMPHONE ANOUSONE	04.12.1996	P 1590185	2016	ĐHKT
69.	KAISONESENA SAIVISIT	13.09.1997	PA 0062376	2016	ĐHKT
70.	BOUTSOUVANH NANVALITH	27.11.1995	PA 0260005	2015	ĐHKT
71.	PHASOUVOR SINNAXOTH	09.09.1995	P 1451002	2015	ĐHKT
72.	KHOUHATHEP KHANTHAY	01.09.1997	P 1597842	2016	ĐHKT
73.	INTHILAD PHUTTHACHAK	27.01.1998	P 0636318	2016	ĐHKT
74.	SENGSOULIYA KINGKHAM	18.08.1996	P 1411145	2016	ĐHSP
75.	ANOULACK MATMANIVONG	13.05.1997	PA 0066909	2017	ĐHKT
76.	PHIEUSAATH ETDY	07.03.1993	P 1782181	2013	ĐHBK
77.	ANOTHAY ALOUNSAVANH	05.05.1995	PA 0142444	2014	ĐHBK
78.	PHETSAKHONE NIDTIYA	10.03.1997	PA 0247383	2015	ĐHKT
79.	MEUNLUANG THOY	10.07.1992	P 1404059	2015	ĐHSP
80.	PHOMMACHANH LATTANA	16.06.1996	P 1437900	2015	ĐHSP
81.	TAIPHACHANH PHILAVONG	22.11.1999	P 1461793	2017	ĐHSP
82.	KHAIYAKHAM KONGVISETH	25.06.1994	P 1797553	2017	ĐHKT
83.	SOUVANNASANE KHIMYANGXAM	01.02.1997	P 1789414	2017	ĐHKT
84.	CHANTHAMMACHAK KHONSAVANH	01.06.1994	PA 0255004	2014	ĐHBK
85.	XAISOMPHOU HATTAPHONE	27.03.199	P 1604509	2016	ĐHKT
86.	KHAIKHAMPHITHOUN MOUKDAPHONE	22.05.1999	P 1826502	2017	ĐHNN
87.	VANNAHEUANG CHINDANOUTH	24.03.1997	P 1679934	2017	ĐHNN
88.	PHANTHAVONG KHOUNMY	06.03.1999	P 1806761	2017	ĐHNN
89.	KEOKHAMPHOUI ONANONG	22.01.1995	PA 0256752	2015	ĐHKT

Ghi chú: ĐHKT là Trường Đại học Kinh tế; ĐHBK là Trường Đại học Bách khoa; ĐHNN là Trường Đại học Ngoại ngữ; ĐHSP là Trường Đại học Sư phạm.